

Bản tin

# THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 20 NĂM 2020

KỲ 2 THÁNG 10 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

## MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 14/10/2020 đến 27/10/2020
- 5 Ngành nông nghiệp tập trung triển khai hàng loạt giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2020
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn
- 10 Dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Ấn Độ
- 14 Xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang Nga tháng 9/2020 tăng mạnh
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 17 Sơn La xây dựng thương hiệu nông, thủy sản, đẩy mạnh xuất khẩu
- 19 Thành lập Hiệp hội Nước mắm truyền thống Việt Nam
- 19 Công bố nhãn hiệu chứng nhận "Nếp hạt cau Ninh Bình"
- 20 Vĩnh Phúc: Phát triển bền vững các sản phẩm hữu cơ
- 20 Doanh nghiệp Ấn Độ muốn đẩy mạnh giao thương với Việt Nam
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 21 Nghị định sửa đổi quy định về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen
- 22 Ấn Độ ban hành Quy định mới về kiểm tra xuất xứ hàng hóa
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 23 Giá nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới tăng trở lại
- 24 Nhu cầu tiêu thụ hàng nông sản của thị trường EU liên tục tăng
- 28 **TIN VĂN**

# TỔNG QUAN

Tại thị trường trong nước, tính đến cuối tháng 10/2020, giá hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản ghi nhận xu hướng tăng trước nhu cầu tiêu thụ đang ở mức cao, nhiều mặt hàng có mức tăng giá trên 15% so với thời điểm giữa tháng 10/2020 như cá ngừ, mực ống, tôm sú hay cao su các loại... Trong đó, cao su là một trong những mặt hàng tăng giá mạnh nhất trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu giảm trong khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh sau dịch Covid-19. Tính đến ngày 27/10/2020, giá thu mua cao su của các công ty đều ở mức cao nhất kể từ đầu năm 2020 đến nay.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 10/2020 tiếp tục gặp nhiều khó khăn trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên thị trường thế giới, xuất khẩu sang Trung Quốc ảnh hưởng tiêu cực do Cơ quan Hải quan Trung Quốc tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, cộng với tình hình thiên tai,



bão lũ tại các tỉnh miền Trung và một số địa phương trên cả nước... Ước tính, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực trong tháng 10/2020 đạt 3,26 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng năm 2020 lên 29,9 tỷ USD, tăng nhẹ 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng qua, chỉ có 3 mặt hàng có kim ngạch tăng bao gồm:

gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 12,4%); gạo (tăng 8,2%); sắt và các sản phẩm từ sắt (tăng 1,8%).

Các mặt hàng còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó rau quả có mức giảm cao cả về giá trị tương đối (giảm 12,5%) và giá trị tuyệt đối (giảm 389 triệu USD).

Trong 2 tháng cuối năm 2020, mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản và gạo được kỳ vọng là những động lực lớn nhất trong tăng trưởng xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhờ được hưởng lợi bởi ưu đãi thuế quan ngay sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU có hiệu lực cùng những thuận lợi về thị trường xuất khẩu và giai đoạn cuối năm là mùa cao điểm trong hoạt động tiêu thụ.

## Một số thông tin đáng chú ý:

- ▶ Ngành nông nghiệp tại các tỉnh miền Trung đang chịu thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng bởi hàng loạt các cơn bão kéo dài từ tuần đầu tháng 10/2020 đến nay. Theo báo cáo ngày 25/10/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, chỉ trong gần 3 tuần mưa lũ, ngành nông nghiệp các tỉnh miền Trung đã ghi nhận tới hơn 1.400 ha lúa và 7.800 ha hoa màu bị ngập; hơn 7.000 con gia súc và 927.000 con gia cầm bị chết và cuốn trôi.
- ▶ Do tác động của dịch Covid-19 nên tính chung 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ chỉ đạt 153,58 triệu USD, giảm 45,9% so với cùng kỳ năm 2019. Đây là một trong những thị trường xuất khẩu có sự sụt giảm mạnh nhất của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2020.
- ▶ 9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga đạt 312,9 triệu USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Nga đã có xu hướng tăng từ tháng 6/2020 đến nay do dịch Covid-19 tại Nga đang dần được kiểm soát.

## THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 14/10/2020 ĐẾN 27/10/2020

Càng về thời điểm cuối năm 2020, nhu cầu đối với mặt hàng nông, lâm, thủy sản có xu hướng tăng kéo theo đà tăng giá của các mặt hàng.

+ Mặt hàng gạo: Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), giá gạo trong kỳ từ ngày 14/10 đến ngày 27/10/2020 tăng từ 350 - 600 đ/kg so với nửa đầu tháng 10/2020. Cụ thể, tại An Giang, giá lúa Jasmine dao động ở mức 6.200 - 6.300 đ/kg, tăng 200 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đ/kg lên mức 6.300 đ/kg; Đai thơm 8 có giá 6.600 đ/kg, tăng 350 đ/kg; lúa IR 504 ổn định ở mức 6.100 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 50 đ/kg lên 6.150 đ/kg; lúa OM 9577, OM 9582 ở mức 6.250 đ/kg, tăng 150 đ/kg.

Tương tự, giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng 450 đ/kg so với nửa đầu tháng 10/2020, đạt 9.350 đ/kg; gạo nguyên liệu OM 5451 và OM 18 tăng 100 đ/kg, dao động ở mức 9.000 - 9.050 đ/kg; gạo thành phẩm IR 504 đạt 10.500 đ/kg, tăng 300 đ/kg.

Đáng chú ý, giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam trên thị trường quốc tế đã tăng lên mức 485 - 495 USD/tấn từ mức 470 USD/tấn trong nửa đầu tháng 10/2020. Những đợt mưa gần đây tại ĐBSCL đã tác động tiêu cực tới vụ thu hoạch lúa gạo và ảnh hưởng đến nguồn

cung nội địa. Tuy nhiên, nguồn cung bắt đầu tăng lên do người dân ở các tỉnh ĐBSCL đẩy mạnh thu hoạch khi thời tiết có nắng trở lại sau nhiều ngày mưa kéo dài gây ngập, trong khi khách hàng từ Philippin vẫn chưa tăng mua trở lại.

+ Mặt hàng cà phê: Giá cà phê trong nước chuyển biến tích cực theo giá cà phê thế giới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/10/2020, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng 1.200 đ/kg so với giữa tháng 10/2020, đạt 32.600 đ/kg. Hiện các vùng trồng cà phê trọng điểm Việt Nam đang cần nắng ráo để thu hoạch, nhưng cơn bão mạnh số 9 xuất hiện ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực Tây Nguyên.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020, giá hạt tiêu tăng 1.500 đ/kg so với nửa đầu tháng 10/2020, đạt bình quân 52.500 đ/kg - mức cao nhất kể từ giữa tháng 6/2020. Đặc biệt, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giá hạt tiêu đã chạm mốc 54.500 đ/kg. Nhu cầu tiêu thụ dịp cuối năm đã thúc đẩy nhu cầu mua vào. Trong khi tồn kho tại các thị trường tiêu thụ lớn cũng không còn nhiều do thương mại hạn chế vì dịch Covid-19. Những nguyên nhân trên giúp thị trường kỳ vọng giá hạt tiêu có thể tiếp tục tăng trong thời gian tới.

+ Mặt hàng thủy sản: Việc kích cầu nội địa tiêu thụ cá tra, cộng với tình hình nhập khẩu cá tra ở một số thị trường lớn đã tích cực trở lại, nhất là thị trường Trung Quốc từ cuối quý III/2020, đã đẩy giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL lên mức cao nhất kể từ tháng 6/2019. Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020 tiếp tục tăng 2.300 đ/kg so với nửa đầu tháng 10/2020 lên mức 21.800 đ/kg.





Tương tự, giá các mặt hàng thủy sản tại Đà Nẵng cũng tăng so với nửa đầu tháng 10/2020, với mức tăng 15.000 đ/kg đối với cá ngừ vằn, 70.000 đ/kg đối với mực ống loại 17 – 24 cm/kg và 40.000 đ/kg đối với tôm sú.

+ Mặt hàng cao su: Đây đang là mặt hàng có giá tăng mạnh nhất trong những tháng gần đây trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu giảm trong khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh sau

dịch Covid-19. Tính đến ngày 27/10/2020, giá thu mua cao su của các công ty đều ở mức cao nhất kể từ đầu năm 2020 đến nay. Cụ thể, giá thu mua mủ cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai tăng 1.800 đ/kg so với giữa tháng 10/2020, dao động từ 9.600 – 13.300 đ/kg; giá mủ nước tại vườn tăng tới 4.400 đ/kg lên mức 35.500 đ/kg. Giá thu mua cao su của Công Ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh tăng 2.200 – 3.300 đ/kg so với giữa tháng 10/2020, dao động ở mức 9.900 – 14.400 đ/kg tùy loại.

### Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 27/10/2020

Tên hàng	Ngày 27/10/2020 (đ/kg)	So với ngày 13/10/2020 (%)	So với ngày 25/9/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	9.350	5,1	6,9	41,7
Gạo thành phẩm IR 504	10.550	3,4	5,5	40,7
Tấm gạo IR 504	9.100	1,1	1,1	42,2
Cám vàng	6.600	10,0	13,8	37,5
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.600	3,8	0,6	1,6
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	30.000	0,0	0,0	-18,9
Điều W240	27.000	0,0	0,0	-89,4
Điều W 320	28.000	0,0	0,0	-88,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	52.500	2,9	2,9	25,0
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.800	11,8	17,8	3,8
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	280.000	0,0	0,0	21,7
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	60.000	33,3	20,0	-14,3
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	160.000	77,8	100,0	14,3
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	0,0	-4,0	0,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	240.000	20,0	14,3	-25,0
Giá cao su dạng nước tại Bình Phước (đ/độ TSC)	340	25,9	25,9	
Giá cao su dạng thô tại Bình Phước	12.000	0,0	0,0	
<b>Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai</b>				
Loại 1 (đ/độ TSC)	328	13,9	15,9	9,3
Loại 2 (đ/độ TSC)	325	14,0	16,1	9,4
Mủ nước tại vườn	35.500	14,1	16,4	9,6
Mủ chén dây khô	13.300	15,7	18,8	6,4
Mủ đông khô	11.100	19,4	23,3	7,8
Mủ đông vừa	9.500	23,4	28,4	9,2
Mủ dây khô	12.700	16,5	19,8	6,7
<b>Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh</b>				
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	335	24,1	26,4	16,7
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	340	23,6	25,9	16,4
Mủ chén, dây khô	14.400	29,7	30,9	17,1
Mủ chén ướt	9.900	28,6	30,3	16,5
Mủ đông khô	13.000	28,7	30,0	17,1
Mủ đông ướt	10.500	29,6	29,6	16,7

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

# NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TRIỂN KHAI HÀNG LOẠT GIẢI PHÁP NHẪM ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2020



**N**gành nông nghiệp đã đi qua 10 tháng đầu năm 2020 với hàng loạt khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong những tháng cuối năm, trong bối cảnh dịch Covid-19 mặc dù được kiểm soát tốt tại thị trường trong nước nhưng vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới, trong khi tình hình thiên tai đang gây thiệt hại nặng nề tại các tỉnh miền Trung, dịch bệnh còn diễn biến khó lường, dự kiến tình hình sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp sẽ có sự cải thiện hơn nhưng rất khó để có thể bứt phá. Ngành nông nghiệp đặt mục tiêu cả năm 2020 tốc độ tăng trưởng của ngành tăng 2,75% đến 3%, trong đó riêng quý IV/2020 tăng 4,1%. Để đạt mục tiêu này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị mọi lĩnh vực sản xuất cần tập trung triển khai các giải pháp phòng, chống thiên tai, thúc đẩy sản xuất, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là đối với sản xuất lúa, chăn nuôi lợn, khai thác và nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, khai thác gỗ; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường...

Trong giai đoạn này, để đạt được mục tiêu tăng trưởng trong năm 2020 và đảm bảo nhu cầu lương thực trong dịp cuối năm, nhiều địa phương trên cả nước đang tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, quyết liệt

triển khai các giải pháp, từ chủ động tái cơ cấu, thúc đẩy sản xuất, đến đẩy mạnh chăn nuôi... Trong đó, nhiệm vụ trước mắt với ngành nông nghiệp tại các địa phương là chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh. Riêng với các tỉnh miền Bắc cần tập trung thực hiện thắng lợi sản xuất vụ Đông. Đây là vụ sản xuất chính đóng góp rất lớn vào tăng trưởng của ngành cuối năm 2020 và đầu năm 2021; đồng thời bảo đảm nguồn nông sản, thực phẩm cho thị trường tăng cao vào dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

Tại Hà Nội, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng trong 9 tháng năm 2020, ngành nông nghiệp Hà Nội tăng trưởng tới 3,05% so với cùng kỳ năm trước (dù quý I/2020 suy giảm), cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 1,65% của ngành nông nghiệp cả nước. Trong những tháng cuối năm 2020, cùng với việc tăng cường kiểm tra đồng ruộng, dự báo, phát hiện và xử lý sớm các bệnh trên cây trồng để không lây lan phát sinh thành dịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội sẽ chủ động phối hợp với các địa phương điều chỉnh về cơ cấu cây trồng, diện tích gieo trồng, cơ cấu giống; đồng thời rà soát diện tích ruộng bỏ không để triển khai các loại cây trồng phù hợp. Cùng với việc đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết, tiêu thụ bảo đảm cung ứng nguồn nông sản cho thị trường Thủ đô, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội sẽ tập trung chỉ đạo, hướng dẫn đẩy mạnh việc tái đàn, tăng đàn lợn gắn với phòng, chống dịch bệnh, không để tình trạng khan hiếm thịt lợn và bảo đảm bình ổn giá trên thị trường. Cùng với đó là phát triển nuôi trồng thủy sản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nuôi thả các giống thủy sản được người tiêu dùng ưa chuộng để nâng cao giá trị kinh tế.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thực phẩm sạch cho người tiêu dùng Thủ đô, thời gian tới, ngành nông nghiệp Hà Nội sẽ tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến như: GAP, HACCP, ISO... quy trình quản lý giám sát truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm, ứng dụng nông nghiệp thông minh (đến cuối năm 2020 sẽ có 100% sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn theo chuỗi được truy xuất nguồn gốc điện tử) bảo đảm cung cấp nông sản, thực phẩm an toàn, chất lượng cao.

Tại Quảng Ninh, địa phương đang tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững. Thời gian tới, ngành nông nghiệp tỉnh tiếp tục tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường đầu ra cho nông sản, có giải pháp thu mua, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để nông dân yên tâm sản xuất; kêu gọi, tạo mọi điều kiện khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó chú trọng hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các hợp tác xã, nông hộ để đầu tư và bao tiêu sản phẩm...

Tại An Giang, theo thông tin từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh, trong 2 tháng cuối năm 2020, Sở sẽ tiếp tục theo dõi sát sao tình hình sản xuất và lưu thông nông sản trên địa bàn tỉnh để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch bệnh để chủ động tham mưu UBND tỉnh trong việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất và nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Trước mắt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục theo dõi và chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu và Thu Đông năm 2020 đạt thắng lợi; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; phục hồi 80% số lượng heo đã bị tiêu hủy do bệnh dịch tả

heo châu Phi năm 2019. Đồng thời, thúc đẩy và hỗ trợ phát triển các hình thức chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, nếu tình hình dịch bệnh được khống chế sớm, xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc, Hồng Kông và một số thị trường khác trở lại bình thường, ngành thủy sản sẽ thúc đẩy hoạt động ương dưỡng, nuôi cá tra, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa việc liên kết và tiêu thụ cá tra theo hình thức chuỗi, liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp để ổn định sản xuất theo kế hoạch của doanh nghiệp chế biến. Để hạn chế đến mức thấp nhất việc giảm tăng trưởng trong năm, tỉnh khuyến khích các hộ nuôi cá tra tạm thời chuyển sang nuôi một số đối tượng nuôi có tiềm năng trong tiêu thụ nội địa. Đối với doanh nghiệp, đẩy mạnh việc đa dạng hóa, sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng để tăng tiêu thụ nội địa và đa dạng mặt hàng xuất khẩu.

Trong khi đó, ngành nông nghiệp tại các tỉnh miền Trung như Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam... đang chịu thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng bởi hàng loạt các cơn bão lớn kéo dài từ tuần đầu tháng 10/2020 đến nay. Theo báo cáo ngày 25/10/2020 về tổng hợp tình hình thiệt hại do mưa lũ ở miền Trung kể từ ngày 6/10/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, ngành nông nghiệp các tỉnh miền Trung đã ghi nhận tới hơn 1.400 ha lúa và 7.800 ha hoa màu bị ngập; hơn 7.000 con gia súc và 927.000 con gia cầm bị chết, cuốn trôi. Hiện các cơ quan quản lý cùng các ban, ngành, đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân đã có nhiều việc làm thiết thực khắc phục hậu quả của lũ lụt, chia sẻ tháo gỡ cũng như hỗ trợ đồng bào miền Trung vượt qua khó khăn. Trong thời gian tới, nhằm khắc phục thiệt hại sau lũ, các cơ quan quản lý sẽ phối hợp và có những giải pháp ngắn và dài hạn liên quan đến việc hỗ trợ cây, con giống, thuốc phòng bệnh... cho gia súc để người dân sớm ổn định sản xuất.



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

### XUẤT KHẨU NHÓM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TIẾP TỤC GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN



**T**rong tháng 10/2020, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đối mặt với rất nhiều khó khăn trong bối cảnh dịch Covid-19 đang có xu hướng bùng phát mạnh mẽ trở lại tại nhiều nền kinh tế chủ chốt như Mỹ và các nước thuộc Liên minh EU, trong khi đó hoạt động xuất khẩu sang Trung Quốc qua các cửa khẩu chậm lại do phía Hải quan Trung Quốc tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu như hàm lượng kháng sinh và các chất bảo quản. Ngoài ra, diễn biến phức tạp của tình hình bão lũ và thiên tai tại các tỉnh miền Trung và một số địa phương trên cả nước cũng tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản.

Theo ước tính, trong tháng 10/2020, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (gồm gạo, rau quả,

hạt tiêu, hạt điều, cà phê, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ) đạt 3,26 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 1,2% so với tháng 10/2019.

So với tháng 10/2019, gạo là mặt hàng xuất khẩu giảm mạnh nhất trong nhóm nông, lâm, thủy sản, với mức giảm ước tính lên tới 33,2% về lượng và 22,6% về trị giá xuống còn 300 nghìn tấn, trị giá 161 triệu USD. Tuy nhiên do ảnh hưởng của lũ lụt tại nhiều địa phương đã tác động tiêu cực đến việc thu hoạch lúa, trong khi nguồn cung từ nhiều thị trường cung cấp lớn cũng suy giảm, khiến giá xuất khẩu gạo trong tháng 10/2020 ước tính vẫn tăng 5,6% so với tháng trước và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước lên mức cao 537 USD/tấn. Tiếp đến là rau quả với mức giảm 22,2% xuống 230 triệu USD. Sự

sụt giảm mạnh của 2 mặt hàng nông sản chủ lực này là nguyên nhân chính kéo kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản xuống mức thấp.

Ở chiều ngược lại, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp lớn nhất cho tốc độ tăng trưởng

chung của cả nhóm hàng trong tháng. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 10/2020 ước đạt 1,15 tỷ USD, tăng 11,1% so với tháng 10/2019, đánh dấu tháng thứ 4 liên tiếp kim ngạch vượt 1 tỷ USD và chiếm tới 35,3% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản.

### Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 10 và 10 tháng năm 2020

Đơn vị tính: Số lượng 1.000 tấn; Kim ngạch: Tr.USD

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2020				So sánh (%)					
	Ước tính tháng 10/2020		Ước tính 10 tháng/2020		Ước T10/20 so với T9/20		Ước T10/20 so với T10/19		Ước 10T/20 so với 10T/19	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
<b>Tổng KNXK</b>		<b>26.200</b>		<b>228.772</b>		<b>-3,5</b>		<b>7,9</b>		<b>4,5</b>
<b>Nhóm nông, lâm, thủy sản</b>		<b>3.261</b>		<b>29.941</b>		<b>-1,4</b>		<b>1,2</b>		<b>1,4</b>
<i>Tỷ trọng</i>		12,4		13,1						
Thủy sản		840		6.875		1,7		0,8		-2,5
Rau quả		230		2.721		-3,2		-22,2		-12,5
Hạt điều	50	297	415	2.607	-2,6	-2,8	13,9	-2,4	11,5	-3,4
Cà phê	90	167	1.341	2.324	-9,8	-11,2	1,0	3,8	-1,3	-0,6
Chè	13	22	111	179	-3,4	-1,0	-8,3	-9,5	2,4	-5,4
Hạt tiêu	19	48	239	537	4,0	4,9	11,9	17,1	-4,6	-15,2
Gạo	300	161	5.290	2.609	-22,2	-17,8	-33,2	-22,6	-4,0	8,2
Sắn và các sản phẩm từ sắn	215	80	2.142	758	16,3	9,6	23,6	13,8	12,3	1,8
- Sắn	50	18	547	132	190,2	316,4	333,1	512,0	95,5	115,3
Cao su	200	266	1.313	1.689	-2,8	0,2	4,3	6,8	0,8	-4,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.150		9.640		0,3		11,1		12,4
- Sản phẩm gỗ		939		7.334		1,8		25,6		19,4

*Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)*

Như vậy, tính chung trong 10 tháng năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 29,94 tỷ USD, tăng nhẹ 1,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,1% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, thấp hơn so với tỷ trọng chiếm 13,5% trong 10 tháng năm 2019. Trong đó, chỉ có 3 mặt hàng có kim ngạch tăng bao gồm: gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 12,4%); gạo (tăng 8,2%); sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 1,8%). Các mặt hàng còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó rau quả có mức giảm cao cả về giá trị tương đối (giảm 12,5%) và giá trị tuyệt đối (giảm 389 triệu USD).

Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu rau quả giảm là do xuất khẩu sang Trung Quốc – thị trường chiếm gần 60% tỷ trọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn và sụt giảm đáng kể. Riêng trong 9 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc giảm tới 25,9% so với cùng kỳ năm trước xuống 1,43 tỷ USD, chiếm 57,5% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả. Hiện xuất khẩu rau quả nói riêng cũng như hàng nông sản nói chung sang Trung Quốc vẫn đang diễn ra chậm hơn đáng kể so với cùng kỳ các năm gần đây do chính quyền nước này tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm dịch trong bối



cảnh dịch Covid-19 tại nhiều khu vực trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, trong khi đã xuất hiện một số ổ lây nhiễm dịch mới trong cộng đồng tại Trung Quốc.

Trong 2 tháng cuối năm 2020, mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sẽ tiếp tục là điểm sáng và là động lực lớn nhất trong xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong bối cảnh xuất khẩu mặt hàng này đang gặp rất nhiều thuận lợi về thị trường cộng với giai đoạn cuối năm là mùa cao điểm của hoạt động tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ. Riêng trong 9 tháng năm 2020, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ đạt tới 4,76 tỷ USD, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 56% trên tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Cùng với gỗ và sản phẩm gỗ, gạo và thủy sản cũng là những mặt hàng được kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản những tháng cuối năm 2020.

Đối với thủy sản, xuất khẩu mặt hàng này dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng khá nhờ được hưởng lợi bởi ưu đãi thuế quan 0% ngay sau khi EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, trong đó thay đổi rõ rệt và tích cực nhất là tôm, cá ngừ, mực và bạch tuộc.

Đối với mặt hàng gạo, trong 10 tháng năm 2020, tổng lượng gạo xuất khẩu đạt 5,29 triệu tấn, trị giá 2,6 tỷ USD, giảm 4% về lượng nhưng vẫn tăng 8,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước do giá xuất khẩu bình quân tăng tới 12,7% lên 493 USD/tấn.

Trong đó, cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực với sự gia tăng đối với các mặt hàng có giá trị cao. Trong những tháng cuối năm 2020, mặc dù đang được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố thuận lợi về giá cả, thị trường và đặc biệt là cơ hội rộng mở vào thị trường EU với nhiều ưu đãi về thuế quan, nhưng nhìn chung xuất khẩu gạo vẫn đứng trước nhiều thách thức để có thể tiến gần hơn đến mức mục tiêu xuất khẩu 6,7 triệu tấn đã đặt ra trong năm 2020. Trong đó, thách thức lớn nhất là Phillipin – thị trường xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam quyết định ngừng nhập khẩu gạo trong 2 tháng (tháng 10 và tháng 11) nhằm hỗ trợ giá cho thị trường nội địa trong vụ thu hoạch chính vụ mùa mưa của nước này. Riêng trong 9 tháng đầu năm 2020, tổng lượng gạo xuất khẩu sang Philippin chiếm tới 36,3% trong tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước, với khối lượng đạt 1,81 triệu tấn, trị giá 843,48 triệu USD, giảm 3,9% về lượng nhưng tăng 9,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.



### Tham khảo chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

(Gạo thơm: Gạo Jasmine, DT8, KDM, Nàng Hoa, ST24...; Gạo giống Nhật: Japonica, Sushi...)

Chủng loại	Tháng 9/2020		So với tháng 8/2020 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Gạo trắng	190.807	91.139	-41,7	-41,5	2.529.640	1.129.979	-15,6	-5,3
Gạo thơm	114.234	63.619	-41,5	-38,9	1.551.391	793.917	3,6	7,7
Gạo nếp	56.232	29.678	-14,0	-16,4	750.165	439.929	122,5	171,8
Gạo giống Nhật	12.629	6.935	19,9	20,4	178.100	90.859	-2,0	5,2
Gạo lứt	10.625	4.049	75,1	54,9	71.654	31.319	165,2	130,5
Gạo đỏ					2.258	939	-72,0	-70,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DỊCH COVID-19 ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ

Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 9/2020 đạt 19,06 triệu USD, giảm 3,1% so với tháng 8/2020 và giảm mạnh 41,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Do tác động của dịch Covid-19 nên tính chung 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ chỉ đạt 153,58 triệu USD, giảm 45,9% so với cùng kỳ năm 2019. Đây là một trong những thị trường xuất khẩu có sự sụt giảm mạnh nhất của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2020.

Ấn Độ là một trong số những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch

Covid-19, GDP của nước này trong quý đầu tiên của năm tài khóa 2020-2021 (từ tháng 4/2020 - 6/2020) đã giảm tới 23,9% so với cùng kỳ năm 2019 - mức giảm mạnh nhất kể từ khi nước này bắt đầu công bố dữ liệu GDP hàng quý vào năm 1996. Đây cũng là mức giảm mạnh nhất trong nhóm các nền kinh tế lớn trên thế giới, theo dữ liệu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).

Tuy nhiên, việc Ấn Độ đang dần kiểm soát được dịch Covid-19 với số ca lây nhiễm giảm mạnh sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế nước này trong thời gian tới. Điều này cũng mở ra cơ hội để phục hồi xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong năm 2021.



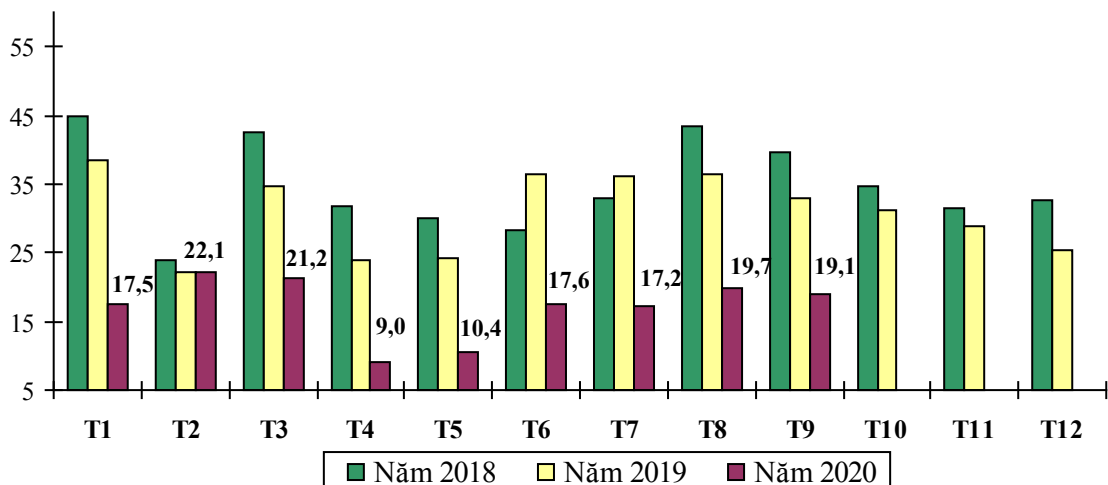
Để cải thiện xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ, ngày 07/10/2020, Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đã phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp các nhà nhập khẩu Ấn Độ (IICCI) tổ chức hội nghị giao thương trực tuyến "Trái cây và thực phẩm: Cơ hội giao thương mới cho Việt Nam và Ấn Độ". Hội nghị thu hút được sự tham dự của hơn 100 doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các hiệp hội ngành hàng, phòng Thương mại và Công nghiệp cùng đại diện Bộ Nông nghiệp hai nước.

Những mặt hàng nông sản tiêu biểu của Việt Nam như cà phê, chè, ca cao, hạt điều, bánh kẹo và đặc biệt các sản phẩm gia vị như quế, hồi, thảo quả, đinh hương

có nhiều tiềm năng xuất khẩu sang Ấn Độ. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đề nghị Ấn Độ tạo điều kiện thuận lợi, dỡ bỏ các hàng rào thuế và phi thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính để hai nước có thể tiếp cận thị trường của nhau nhiều hơn. Đồng thời mở cửa thị trường đối với một số loại hoa quả Việt Nam như nhãn, bưởi, sầu riêng và chôm chôm.

Trong khi đó, Việt Nam cũng có nhiều tiềm năng thu hút các nhà đầu tư Ấn Độ trong lĩnh vực nông nghiệp khi có khoảng 255 dự án đầu tư của Ấn Độ tại Việt Nam, trong đó có nhiều dự án đầu tư nhà máy chế biến thực phẩm và nông sản như chè, cà phê, dầu gạo, chế biến...

### Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Ấn Độ năm 2018- 2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2020, ngoại trừ mặt hàng hạt điều và chè có kim ngạch tăng, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Ấn Độ đạt cao nhất với 57,02 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ năm 2019 giảm 57,8%; kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Ấn Độ cũng

giảm mạnh 39,6%; hạt tiêu giảm 44,4%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm 35,1%, hàng thủy sản giảm tới 66,7%.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường Ấn Độ tăng mạnh 38,4%.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu chè sang thị trường này dù chỉ đạt 3,24 triệu USD, nhưng so với 9 tháng năm 2019 tăng tới 215,9%.



**Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)**

Tên hàng	Tháng 9/2020		So với tháng 8/2020 (%)		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng kim ngạch</b>		<b>19.060</b>		<b>-3,1</b>		<b>-41,7</b>		<b>153.578</b>		<b>-45,9</b>
Cao su	5.808	7.808	-25,7	-23,7	-57,1	-59,2	41.397	57.022	-55,9	-57,8
Cà phê	1.984	4.122	23,6	61,5	-18,0	-26,7	18.421	27.597	-36,7	-39,6
Hạt tiêu	759	1.838	42,7	38,4	-6,2	-1,3	10.532	23.452	-39,4	-44,4
Hạt điều	165	1.128	-32,1	-30,0	-31,5	-29,5	3.130	17.962	35,1	38,4
Gỗ và sản phẩm gỗ		2.729		-6,3		7,2		17.732		-35,1
Hàng thủy sản		368		31,5		-80,5		6.574		-66,7
Chè	836	1.068	20,6	42,2			2.704	3.239	279,8	215,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tình hình xuất khẩu cao su sang thị trường Ấn Độ**

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên của Ấn Độ trong năm 2020 dự báo giảm 42.000 tấn so với năm 2019, xuống còn 668.000 tấn do tác động bởi đại dịch Covid-19 và hiện tượng rụng lá bất thường do dịch bệnh Phytophthora bùng phát trên cây cao su vào tháng 7/2020 và tháng 8/2020.

ANRPC đã điều chỉnh triển vọng tiêu thụ cao su của Ấn Độ trong năm 2020 lên mức 923.000 tấn từ mức 900.000 tấn trong dự báo trước đó do doanh số bán ô tô đang tăng trở lại.

Doanh số bán xe du lịch của Ấn Độ trong tháng 9/2020 đã tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 27 tháng qua. Tăng trưởng doanh số của xe du lịch được thúc đẩy bởi xu hướng sử dụng các phương tiện di chuyển cá nhân trong thời kỳ dịch bệnh. Ngoài ra, nền kinh tế Ấn Độ dần mở cửa trở lại, chuỗi cung ứng nới lỏng, nguồn lao động sẵn có cũng mang lại sự quan tâm của người mua với các mẫu xe mới.

Mặc dù nhu cầu tiêu thụ cao su của Ấn Độ đang tăng trở lại song tình hình nhập khẩu vẫn tương đối trầm lắng. Theo số liệu của Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, trong tháng 8/2020, nhập khẩu cao su tự nhiên của Ấn Độ đạt 36,88 nghìn tấn, giảm 36,21% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su của Ấn Độ đạt 232,75 nghìn tấn, giảm 30,0% so với 8 tháng năm 2019.

Trong 8 tháng đầu năm 2020, Indonesia và Việt Nam vẫn là hai thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho thị trường Ấn Độ, nhưng so với cùng kỳ năm 2019 giảm mạnh lần lượt là 28,2% và 54,9%. Trong đó, thị phần cao su của Việt Nam xuất khẩu vào Ấn Độ đã giảm xuống còn 16,6%, từ mức 25,8% của cùng kỳ năm 2019.



## Khối lượng nhập khẩu ca su thiên nhiên (HS: 4001) của Ấn Độ trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2020

Thị Trường	Tháng 8/2020	So với tháng 8/2019	8 tháng năm 2020	So với 8 tháng năm 2019	Thị phần (%)	
	Tấn	%	Tấn	%	8T/2020	8T/2019
<b>Tổng</b>	<b>36.883</b>	<b>-36,2</b>	<b>232.754</b>	<b>-30,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Indonesia	16.118	-28,3	89.573	-28,2	38,5	37,5
Việt Nam	6.459	-63,7	38.710	-54,9	16,6	25,8
Bờ Biển Ngà	2.963	-8,1	27.036	36,9	11,6	5,9
Singapore	4.040	-21,5	24.889	-19,4	10,7	9,3
Malaysia	3.609	-15,8	19.220	-42,9	8,3	10,1
Bờ Biển Ngà	1.980	-36,9	15.697	-37,6	6,7	7,6
Ghana	806		6.270	1.973,3	2,7	0,1
Myanmar	623	-32,6	5.583	17,04	2,4	1,4
Bangladesh	19	-95,3	1.797	-57,2	0,8	1,3
Campuchia	76	-72,7	1.720	138,5	0,7	0,2
Nigeria			706	600,0	0,3	0,0
Philippines	101		605	-25,0	0,3	0,2
Bờ Biển Ngà	89	422,3	354	-67,2	0,2	0,3
Argentina			202	-73,7	0,1	0,2
Liberia			101		0,0	0,0
Guatemala			86	33,3	0,0	0,0

Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

### Ấn Độ tăng nhập khẩu điều thô

Ấn Độ là nước đứng đầu thế giới về sản xuất và tiêu thụ hạt điều với khoảng gần 20% sản lượng toàn cầu. Nhà máy điều đầu tiên trên thế giới được thành lập tại Ấn Độ và ngành công nghiệp này đang đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội ở một số bang của Ấn Độ. Bên cạnh đó, Ấn Độ xuất khẩu hạt điều sang hơn 60 quốc gia với khối lượng khoảng hơn 1 triệu tấn mỗi năm và điều là cây trồng xuất khẩu lớn thứ tư của nước này.

Mặc dù sản lượng dồi dào, các nhà nhập khẩu Ấn Độ vẫn nhập khẩu hạt điều từ các thị trường khác để chế biến và tái xuất khẩu, hoặc để đáp ứng nhu cầu tăng đột biến trong nước. Để thuận lợi cho nhập khẩu hạt điều, thuế nhập khẩu được điều chỉnh giảm từ 5% xuống 2,5% để các cơ sở chế biến có đủ nguyên liệu với giá thấp hơn. Do đó, giá hạt điều nhập khẩu thấp hơn hạt điều trong nước khoảng 27,65 Rupee/kg và điều này sẽ làm tăng mạnh nhập khẩu hạt điều thô và giảm nhu cầu hạt điều trong nước.



Trong thời kỳ hậu dịch Covid-19, hạt điều thô nhập khẩu có giá thấp hơn và các đơn vị chế biến hạt điều cũng nhập khẩu nhiều hơn, bỏ qua nguồn cung điều thô trong nước với giá cao hơn. Nông dân trồng điều Ấn Độ cho rằng, hạt điều Ấn Độ có chất lượng tốt hơn nhiều so với hạt điều nhập khẩu nhưng hạt điều nội địa cần được bảo vệ thông qua sự can thiệp của chính sách. Hiện nay một số bang trồng hạt điều của Ấn Độ đang được trợ cấp từ 20.000 đến 25.000 Rupee/tấn cho nông dân trồng điều.

## XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG NGA THÁNG 9/2020 TĂNG MẠNH

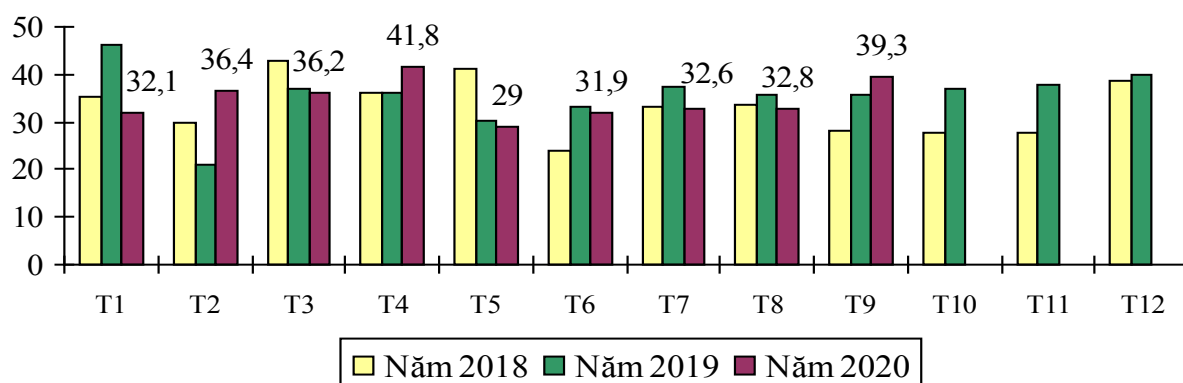


Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga trong tháng 9/2020 đạt 39,3 triệu USD, tăng 19,7% so với tháng trước và tăng 9,8% so với tháng 9/2019. Tính chung 9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm,

thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 312,9 triệu USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga có xu hướng tăng từ tháng 6/2020 đến nay do dịch Covid-19 tại Nga đang dần được kiểm soát.

### Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Nga năm 2018-2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan



### Về mặt hàng:

9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga tăng mạnh như hàng rau quả, hàng thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ... Bên cạnh

đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng giảm mạnh như hạt điều, cao su, gạo...

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng trong tháng 9/2020 tăng so với tháng trước như giá xuất khẩu chè tăng 10%, đạt 1.593 USD/tấn; gạo đạt 589 USD/tấn, tăng 34,8%...

### Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nga 9 tháng năm 2020 (Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	9 tháng năm 2020	So với 9 tháng 2019 (%)	Tháng 9/2020	So với tháng 8/2020 (%)	So với tháng 9/2019 (%)
<b>Tổng</b>	<b>312.861</b>	<b>-0,3</b>	<b>39.289</b>	<b>19,7</b>	<b>9,8</b>
Cà phê	115.382	-11,1	12.078	44,4	-11,6
Hàng thủy sản	89.165	17,9	14.450	11,3	45,0
Hàng rau quả	40.455	76,4	3.984	-4,2	35,9
Hạt điều	26.597	-33,9	4.200	42,7	14,5
Chè	17.075	7,5	2.317	24,1	-10,7
Hạt tiêu	9.832	3,8	1.406	55,7	95,3
Cao su	5.818	-26,6	577	-38,1	-40,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	5.253	40,3	219	-25,5	18,3
Gạo	3.285	-60,2	57	-85,0	-94,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

### Triển vọng xuất khẩu:

Nga là thị trường tiềm năng đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã ký kết Hiệp định Tự do thương mại (FTA) với Liên minh Kinh tế Á - Âu và Việt Nam cần đẩy mạnh tận dụng những ưu đãi mà Hiệp định này mang lại. Ngày càng nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang tìm cách để thâm nhập thị trường Nga do nhận thấy đây là thị trường nhiều tiềm năng.

Nga là một thị trường mới trong ngành sản xuất, chế biến hạt điều bởi trước đây các doanh nghiệp Việt Nam thường chủ yếu tập trung bán sản phẩm tại thị trường Mỹ, Trung Quốc, Trung Đông. Hiện nay, một số doanh nghiệp đang quan tâm tới việc mở rộng thị trường và rất hy vọng thị trường Nga sẽ trở thành một trong những thị trường lớn. Để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Nga, Việt Nam cần thúc đẩy công nghiệp chế biến.

Trong thực tế, nhiều mặt hàng có xuất xứ từ Việt Nam rất được người tiêu dùng Nga ưa chuộng. Thế nhưng, đến nay hầu hết các sản phẩm của Việt Nam, đặc biệt các mặt hàng nông sản vẫn rất khó thâm nhập được vào các siêu thị hay trung tâm thương mại lớn ở Nga. Một số mặt hàng có xuất xứ từ Việt Nam nhưng lại được nhập khẩu vào Nga thông qua một nước thứ ba. Trong khi đó, các mặt hàng tương tự có xuất xứ từ Thái Lan lại được bày bán nhiều tại Nga.

Do đặc thù về khí hậu nên sản xuất rau quả của Nga vẫn còn rất hạn chế. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ rau quả và trái cây của người dân Nga ngày càng tăng cao. Do đó, Nga phải nhập khẩu tới 2/3 lượng hoa quả và rau. Đây cũng là một trong những nước nhập khẩu trái cây và rau lớn nhất thế giới. Vì vậy, Nga được xem là thị trường tiềm năng để các doanh nghiệp Việt Nam có thể khai thác.

Tình hình xuất khẩu hàng thủy sản sang Nga 9 tháng đầu năm 2020:

Theo số liệu thống kê, lượng hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nga trong 9 tháng đầu năm 2020 đạt 23 nghìn tấn, trị giá 88,7 triệu USD, tăng 20,1% về lượng và tăng 17,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Dịch bệnh đã tạo ra những xu hướng mới đối với chuỗi cung ứng thủy sản. Người tiêu dùng ở Nga ưa chuộng các sản phẩm thủy sản của Việt Nam như tôm các loại, đạt 2,9 nghìn tấn, trị giá 25 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2020, tăng 159,8% về lượng và tăng 150,4% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu cá tra, basa tăng 97,1% về lượng và tăng 29,6% về trị giá, đạt 7,8 nghìn tấn, trị giá 12,9 triệu USD. Đặc biệt, xuất khẩu cá đông lạnh tăng đột biến về lượng trong 9 tháng đầu năm 2020, đạt 1,4 nghìn tấn, trị giá 6,3 triệu USD.

Bên cạnh đó, xuất khẩu một số chủng loại giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2020 như cá khô, surimi, cá ngừ, mực, bạch tuộc...

Dự kiến hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nga trong những tháng tới tiếp tục tăng mạnh do nhu cầu nhập khẩu của thị trường đang ở mức cao.

### Xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường Nga 9 tháng năm 2020

(Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Chủng loại	9 tháng năm 2020		So với 9 tháng 2019 (%)		Tháng 9/2020		So với tháng 8/2020 (%)		So với tháng 9/2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>23.030</b>	<b>88.738</b>	<b>20,1</b>	<b>17,4</b>	<b>3.368</b>	<b>14.447</b>	<b>3,6</b>	<b>11,3</b>	<b>3,3</b>	<b>45,1</b>
Tôm các loại	2.858	24.985	159,8	150,4	694	6.161	40,8	42,6	300,5	407,3
Cá khô	3.500	23.609	-11,7	-12,0	412	2.824	-22,1	-17,1	23,3	31,5
Surimi	5.786	13.863	-25,7	-21,7	469	1.171	-37,0	-32,9	-68,1	-65,8
Cá tra, basa	7.761	12.882	97,1	29,6	1.202	1.781	14,5	4,2	30,8	-6,0
Cá đông lạnh	1.419	6.299	1.070,7	801,4	401	1.580	155,4	145,6	1.046,2	685,5
Cá ngừ các loại	1.306	5.432	-19,6	-33,7	110	614	-49,8	-28,8	1,4	85,2
Bạch tuộc các loại	253	1.261	-28,0	-25,0	38	190	-20,7	-19,8	-76,8	-67,7
Mắm	123	285	-44,6	9,9	37	96	1.122,8	1.812,8	9,5	34,4
Mực các loại	22	101	-63,5	-58,3	6	26	-41,3	-41,9	-79,0	-69,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

### Một số doanh nghiệp xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường Nga trong 9 tháng năm 2020

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TRỊ GIÁ (NGHÌN USD)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM SÀI GÒN	10.085
2	CÔNG TY CP THỦY SẢN MINH PHÚ - HẬU GIANG	8.654
3	CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM ANH LONG	7.852
4	CÔNG TY CP SÀI GÒN TÂM TÂM	6.600
5	CÔNG TY TNHH TÍN THỊNH	5.460
6	CÔNG TY CP VẠN Ý	5.391
7	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ	5.114
8	CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN CƯỜNG	4.471
9	CÔNG TY TNHH HẢI THANH	4.089
10	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG	3.425

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo)

# THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

## SƠN LA XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN, ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU



Những năm gần đây, Sơn La là một trong những tỉnh đi đầu trong sản xuất nông nghiệp, với nhiều loại cây trồng có thể mạnh xuất khẩu như nhãn, xoài, chanh leo, thanh long...

Hiện Sơn La là vựa cây ăn quả lớn thứ hai của cả nước với diện tích trên 70.000 ha. Đến năm 2020, diện tích cây ăn quả và cây sơn tra toàn tỉnh Sơn La ước đạt 80.515 ha, tăng 311% so với năm 2015, lớn thứ hai cả nước. Sơn La có 144 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xuất khẩu được 16 mặt hàng nông sản sang thị trường các nước. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt đến năm 2020 ước đạt 47 triệu đồng/ha, tăng 83% so với năm 2015.

Phát huy tiềm năng lợi thế về sản xuất nông nghiệp, năm 2020, tỉnh Sơn La đề ra các mục tiêu chủ yếu: Tốc độ tăng trưởng

ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 6,6%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,4%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%; 48 xã đạt chuẩn nông thôn mới; giá trị hàng nông sản tham gia xuất khẩu khoảng 152 triệu USD.

Trong những năm qua, việc xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân quan tâm và đầu tư. Đây chính là tiền đề để nông sản Sơn La phát triển bền vững. Tỉnh có 18 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ và đã có thương hiệu, cụ thể là 3 sản phẩm chỉ dẫn địa lý: chè Shan tuyết Mộc Châu, quả xoài tròn Yên Châu, cà phê Sơn La; 13 nhãn hiệu chứng nhận: chè Olong Mộc Châu, chè Phổng Lái Thuận Châu, rau an





toàn Mộc Châu, nếp Mường Và Sớp Cộp, cá tầm Sơn La, cá sông Đà Sơn La, cam Phù Yên, nhãn Sông Mã, khoai sọ Thuận Châu, sơn tra Sơn La, na Mai Sơn, bơ Mộc Châu, chuối Yên Châu; 2 nhãn hiệu tập thể: chè Tà Xùa và mật ong Sơn La...

Bên cạnh đó, Sơn La hiện có hơn 200 sản phẩm nông nghiệp lợi thế có giá trị kinh tế và thương mại cao, có thể phát triển thành các sản phẩm OCOP trong tương lai gần. Trong đó, lâm nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ là những sản phẩm mang tính đặc hữu vùng miền của Sơn La khá phong phú về chủng loại bao gồm 5 nhóm chính gồm: Thực phẩm, đồ uống, thảo dược, lưu niệm, dịch vụ nông thôn. Số lượng sản phẩm theo các nhóm được đánh giá phân hạng, kết quả đánh giá cấp giấy chứng nhận cấp tỉnh: Có 28 sản phẩm của 18 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất đã được đánh giá, phân hạng chấm đạt từ 50 điểm trở lên, bao gồm: 9 sản phẩm đạt hạng 4 sao; 19 sản phẩm đạt hạng 3 sao được công nhận tại Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sơn La, về việc phê duyệt kết quả đánh giá, chấm điểm xếp hạng và cấp giấy chứng nhận sản phẩm tham gia.

Tỉnh có 199 hợp tác xã trồng cây ăn quả, diện tích 5.280 ha; đã hỗ trợ xây dựng 39 chuỗi cung ứng sản phẩm quả an toàn với diện tích 807 ha tại huyện Mai Sơn, Yên Châu, Sông Mã, Mộc Châu, Vân Hồ, Mường La, Thuận Châu; đang xây

dựng 35 dự án cấp huyện, 04 dự án cấp tỉnh phát triển chuỗi giá trị sản phẩm quả gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Trên địa bàn tỉnh Sơn La, diện tích cây trồng áp dụng VietGAP hoặc GAP khác hoặc các tiêu chuẩn khác gồm 9.962 ha. Phấn đấu đến năm 2020, tỉnh sẽ xây dựng và hình thành 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm: Vùng sản xuất rau an toàn Mộc Châu-Vân Hồ; vùng chè Mộc Châu-Vân Hồ; vùng sản xuất hoa Mộc Châu-Vân Hồ. Trong đó 02 vùng trở lên đủ điều kiện được cấp có thẩm quyền công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và có 02 doanh nghiệp trở lên được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Từ đầu năm 2020 đến nay, mặc dù chịu tác động lớn của dịch Covid-19, nhưng tỉnh Sơn La đã chủ động điều chỉnh cơ cấu thị trường và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông sản. Trong 8 tháng đầu năm 2020, tổng giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu của tỉnh Sơn La ước đạt 76 triệu USD.

Dự kiến đến năm 2020, diện tích cây ăn quả tại Sơn La sẽ đạt 100 nghìn ha, sản lượng ước đạt hơn một triệu tấn. Xác định phải gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, Sơn La đã thành lập riêng một Ban Chỉ đạo 598 trực tiếp chỉ đạo các sở, ngành, huyện ủy, UBND các huyện xây dựng kế hoạch triển khai. Đặc biệt trong ban có riêng một Tổ nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật thông tin để phục vụ công tác lãnh đạo.



# THÀNH LẬP HIỆP HỘI NƯỚC MẮM TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Ngày 24/10/2020, Ban Vận động thành lập Hiệp hội Nước mắm truyền thống Việt Nam cho biết, nhận thấy rõ nhu cầu liên kết để cùng phát triển, nên cộng đồng nhà sản xuất kinh doanh nước mắm đã thành lập Câu lạc bộ Nước mắm truyền thống Việt Nam, trực thuộc Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep).

Đồng thời, các nhà sản xuất hình thành Ban Vận động thành lập Hiệp hội Nước mắm truyền thống Việt Nam, tập hợp 17 thành viên là các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh, nhà khoa học, chuyên gia hiểu về nước mắm.

Hiệp hội Nước mắm truyền thống Việt Nam ra đời với 117 hội viên đầu tiên, trong đó có 110 hội viên chính thức, 2 hội viên liên kết, 5 hội viên danh dự. Trong số này, có 102 hội viên là doanh nghiệp, chiếm 87,2% và 15 hội viên là cá nhân, chiếm 12,8%.



Nhiều thành viên tham gia Hiệp hội Nước mắm truyền thống Việt Nam đã có những bước tiến mới khi thành công trong việc đưa nước mắm truyền thống của Việt Nam có mặt trên sàn thương mại điện tử Amazon và siêu thị ở nhiều quốc gia.

## CÔNG BỐ NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “NẾP HẠT CAU NINH BÌNH”

Ngày 23/10/2020, tại thành phố Ninh Bình, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Ninh Bình phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Âu Mỹ tổ chức hội nghị công bố nhãn hiệu chứng nhận “Nếp hạt cau Ninh Bình” dùng cho các sản phẩm gạo nếp hạt cau trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Lúa nếp hạt cau được trồng tại Ninh Bình và nhiều địa phương lân cận trong nhiều năm trở lại đây, có đặc điểm chất lượng gạo thơm, dẻo, đậm đà, được nhiều người ưa chuộng. Từ nguồn lúa nếp hạt cau có thể chế biến ra rượu nếp hạt cau, sản phẩm gạo, bánh từ nếp hạt cau...

Hiện sản phẩm được trồng rộng rãi tại nhiều huyện trên địa bàn như Kim Sơn, Hoa Lư, Nho Quan, Gia Viễn... với tổng diện tích trên 3.000 ha.

Việc đưa vào sử dụng nhãn hiệu “Nếp hạt cau Ninh Bình” đòi hỏi quy trình kỹ thuật trồng lúa, đóng gói, bảo quản sản phẩm gạo đủ tiêu chuẩn chất lượng, góp phần giới thiệu, quảng bá rộng rãi sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

Các cơ sở sản xuất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu phải đảm bảo sản xuất từ giống lúa bản địa quý được trồng trong địa bàn tỉnh. Khi chín, vỏ hạt thóc màu cau khô, hạt gạo tròn, trắng đục, năng suất đạt trên 38 tạ/ha.





## VĨNH PHÚC: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC SẢN PHẨM HỮU CƠ

Tỉnh Vĩnh Phúc hiện có khoảng 120 cơ sở sản xuất rau an toàn, với diện tích canh tác gần 900 ha được cấp giấy chứng nhận; hơn 40 cơ sở sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích hơn 500 ha.

Sản lượng rau an toàn và rau được cấp giấy chứng nhận VietGAP đạt khoảng 40 - 45.000 tấn/năm, bằng 25% tổng sản lượng rau sản xuất trên địa bàn.

Từ năm 2012, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Phúc đã phối hợp với Tập đoàn Quế Lâm sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Ban đầu thực hiện trồng lúa hữu cơ, sau đến chăn nuôi, liên kết áp dụng các mô hình chăn nuôi lợn, gà không sử dụng kháng sinh, tăng cường sử dụng

các chế phẩm sinh học... Kết quả các mô hình triển khai khẳng định cây trồng, vật nuôi phát triển tốt, đặc biệt là môi trường chăn nuôi được cải tạo rất rõ rệt, hệ thống vi sinh vật trong đất sinh sôi trở lại, chất lượng nông sản đã tạo nên sự khác biệt hẳn so với cách làm trước đây.

Đây là cơ sở để tỉnh xác định hướng đi tất yếu giúp ngành sản xuất nông nghiệp Vĩnh Phúc hướng đến nền nông nghiệp bền vững. Thời gian tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng giá trị kinh tế cao gắn với nhu cầu thị trường, liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, tạo ra sản phẩm chất lượng, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

## DOANH NGHIỆP ẤN ĐỘ MUỐN ĐẨY MẠNH GIAO THƯƠNG VỚI VIỆT NAM

Ngày 20/10/2020, Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đã phối hợp với Phòng Thương mại Ấn Độ (ICC) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Xúc tiến đầu tư phía Nam (IPCS) tổ chức hội nghị trực tuyến “Diễn đàn Kinh doanh Ấn Độ - Việt Nam”.

Trong thời gian gần đây, thương mại song phương giữa hai nước đã phát triển mạnh trở lại, đạt mức tương đương trước khi có đại dịch Covid-19, thương mại Việt Nam - Ấn Độ có thể tăng thêm 1,1 tỷ USD mỗi năm và sẽ đạt 15 tỷ USD trong thời gian tới.

Việt Nam là một trụ cột chính trong “Chính sách Hành động Hướng Đông” của Ấn Độ và là một đối tác quan trọng trong “Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” vốn dựa trên các giá trị và lợi ích



chung trong việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực.

Đối với Ấn Độ, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 18 của Ấn Độ và đứng thứ 4 trong ASEAN sau Singapore, Indonesia và Malaysia. Trong khi đó, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Việt Nam. Ấn Độ xuất khẩu sang Việt Nam các mặt hàng như thịt trâu, thủy sản, ngô, thép, dược phẩm, bông, máy móc trong khi nhập khẩu từ Việt Nam điện thoại di động, máy móc thiết bị điện, máy tính, phần cứng điện tử, cao su thiên nhiên, hóa chất, cà phê...



## GIAO THƯƠNG

### **CÔNG TY NHẬT BẢN CẦN TÌM KHÁCH HÀNG NHẬP KHẨU GẠO CÓ BỔ SUNG THÀNH PHẦN CALCIUM**

Công ty Nhật Bản cần tìm kiếm các nhà nhập khẩu gạo có bổ sung thành phần calcium. Sản phẩm được sản xuất hướng đến đối tượng người già và trẻ nhỏ. Hiện các sản phẩm này đang được bán cho các trường học và cơ sở dưỡng lão.

Doanh nghiệp Việt Nam có quan tâm đến sản phẩm trên xin liên hệ:

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản

Email:jp@moit.gov.vn

## **NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN SINH HỌC ĐỐI VỚI SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN**

**N**gày 2/10/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

Nghị định gồm có 3 Điều; kèm theo 1 bản phụ lục và 13 mẫu đơn đăng ký; trong đó sửa đổi Điều 17 về thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận, thu hồi quyết định công nhận Cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen.

Theo quy định mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, thu hồi quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen. Tổ chức đăng ký công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen là các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tổ chức đăng ký công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen phải nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo một trong các cách sau: nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua môi trường mạng. Hồ sơ bao

gồm: Đơn đăng ký công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen theo mẫu quy định; Thuyết minh về năng lực của cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen theo mẫu quy định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào



thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen.

Nghị định số 118/2020/NĐ-CP cũng bổ sung thêm Điều 17a quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng khảo nghiệm đánh giá rủi ro sinh vật biến đổi gen; Điều 17b về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen.

Ngoài ra, Nghị định số 118/2020/NĐ-CP cũng bổ sung Điều 19a Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen vào sau Điều 19; bổ sung Điều 23a Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận an toàn sinh học vào sau Điều 23; bổ sung Điều 28a Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm vào sau Điều 28...

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 2/10/2020.

## ẤN ĐỘ BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI VỀ KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA

**N**gày 21/8/2020, Bộ Tài chính Ấn Độ đã ban hành quy định về kiểm soát xuất xứ hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi theo các Hiệp định thương mại Ấn Độ ký kết, có hiệu lực sau 01 tháng (21/9/2020).

Mục đích là nhằm hạn chế thâm hụt thương mại gia tăng với các nước Ấn Độ ký Hiệp định thương mại tự do hoặc ưu đãi thuế quan. Theo số liệu thống kê, xuất khẩu của Ấn Độ sang các nước đối tác FTA hầu như không thay đổi, trong khi nhập khẩu lại tăng nhanh chóng; nhập siêu ngày càng mở rộng.

Nội dung quy định mới quy định trách nhiệm của nhà nhập khẩu trong việc thu thập thông tin tài liệu chứng minh hàng hóa đảm bảo quy tắc xuất xứ, gồm phương pháp tính giá trị khu vực của cơ quan cấp CO, thời hạn mà nhà nhập khẩu phải cung cấp thông tin, thời hạn trả lời của cơ quan hải quan. Quy định thời hạn mà cơ quan cấp CO phải trả lời hải quan Ấn Độ khi có yêu cầu, nếu không hàng hóa nhập khẩu sẽ không được hưởng thuế quan ưu đãi theo hiệp định thương mại tương ứng. Trong thời gian xác minh, hàng hóa vẫn có thể được thông quan song nhà nhập khẩu phải đặt cọc một số tiền tương ứng với chênh lệch thuế quan giữa thuế suất

thông thường và thuế suất ưu đãi.

Dự luận Ấn Độ đánh giá cao quy định mới của Chính phủ với hy vọng sẽ ngăn chặn được hàng hóa Trung Quốc thâm nhập Ấn Độ thông qua nước thứ ba. Đồng thời cũng hi vọng giảm thâm hụt thương mại giữa Ấn Độ với các nước có hiệp định thương mại song phương, nhất là ASEAN. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng quy định trên gây khó cho nhà nhập khẩu. Các nhà nhập khẩu bày tỏ sự e ngại về khả năng của họ trong việc thu thập thông tin được yêu cầu và tính bảo mật của những dữ liệu đó khi được chia sẻ với các cơ quan chức năng.



# THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

## GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG SẢN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI TĂNG TRỞ LẠI

Sau những biến động trái chiều trong kỳ trước, giá nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới như: Ngô, lúa mì, đậu tương, cao su... có xu hướng tăng trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020.

Trong đó, giá đậu tương Mỹ đã tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn 4 năm do nhu cầu mạnh từ phía Trung Quốc. Trên sàn Chicago, giá đậu tương đã tăng 3,2% so với giữa tháng 10/2020 lên 1.081 UScent/bushel, có thời điểm giá đậu tương đã chạm mốc 1.089 UScent/bushel, mức cao nhất kể từ tháng 7/2016. Thị trường đang đổi theo nhu cầu của Trung Quốc vì gần đây nước nhập khẩu đậu tương hàng đầu thế giới này đã tăng cường mua các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ.

Cùng với đậu tương, giá ngô trên sàn Chicago cũng tăng 7% trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020, đạt 419,3 UScent/bushel; ngoài ra, giá lúa mì cũng tăng 3,1%, lúa mạch tăng 7,1% trong kỳ vừa qua.

Giá đường thô trong phiên giao dịch ngày 27/10/2020 cũng tăng 6,7% so với ngày 13/10/2020 lên mức 14,8 UScent/lb do thị trường dự đoán Ấn Độ sẽ giảm mức trợ cấp cho xuất khẩu đường năm 2021 vì khó khăn về tài chính sau sự ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Thị trường cà phê biến động trái chiều trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020. Cụ thể, giá cà phê Robusta giao tháng 1/2021 tăng 43 USD/tấn (tương ứng 3,5%) so với ngày 13/10/2020 lên 1.276 USD/tấn. Hiện tượng thời tiết La Nina xuất hiện tại các nước sản xuất cà phê Robusta lớn trên thế giới, trong đó có Việt Nam có thể làm chậm vụ thu hoạch mới, gây ảnh hưởng lên giá.

Ngược lại, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 2,3% so với ngày

13/10/2020, xuống còn 106,7 UScent/lb. Mưa xuất hiện trở lại đẩy lùi lo ngại về thời tiết khô hạn tại Braxin, trong khi nhu cầu cà phê Arabica vẫn yếu do một làn sóng lây nhiễm Covid-19 mới buộc một số quốc gia châu Âu hạn chế hoạt động của các quán cà phê và nhà hàng.



Trong khi đó, giá cao su trên thị trường Nhật Bản cũng ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong vòng 12 năm do kỳ vọng nhu cầu của Trung Quốc sẽ mạnh lên khi nền kinh tế tiếp tục hồi phục sau đại dịch. Trên sàn Osaka, giá cao su kỳ hạn tháng 3/2021 đã tăng tới 15,8% so với giữa tháng 10/2020, đạt 170,9 JPY/kg trong ngày 27/10/2020 – cao nhất kể từ đầu năm 2017. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, GDP của Trung Quốc trong quý III/2020 tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, đã cải thiện đáng kể so với mức tăng 3,2% trong quý II nhưng vẫn thấp hơn mức dự báo 5,2% trước đó. Với kết quả này, GDP trong 9 tháng đầu năm 2020 của Trung Quốc đạt 72.278,6 tỷ NDT, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo đón nhận những thông tin kém tích cực khi giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan giảm xuống còn 435 - 440 USD/tấn từ 470 - 475 USD/tấn trong nửa đầu tháng 10/2020. Các nhà giao dịch cho



rằng giá gạo giảm chủ yếu là do nhu cầu thấp. Nhưng thị trường cũng được hỗ trợ khi lũ lụt tại một số tỉnh trồng lúa chính có thể làm giảm nguồn cung so với dự báo trước đó trong vài tuần tới.

Tại Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, giá gạo đồ 5% tẩm giảm từ 376 – 382 USD/tấn trong nửa đầu tháng

10/2020 xuống còn 372 – 377 USD/tấn trong kỳ từ ngày 14/10 đến 27/10/2020 do các đơn hàng mới bắt đầu chậm lại. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm 2020 có thể tăng tới 42% so với năm 2019 lên mức cao kỷ lục 14 triệu tấn do xuất khẩu từ các thị trường cạnh tranh giảm và đồng Rupee yếu.

### Tham khảo giá một số nông sản thế giới ngày 27/10/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 27/10/2020	So với ngày 13/10/2020 (%)	So với ngày 25/9/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	419,3	7,0	14,4	8,3
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	621,8	3,1	12,8	10,2
Lúa mạch	UScent/bushel	307,3	7,1	8,0	0,0
Đậu tương	UScent/bushel	1.081,0	4,0	8,0	14,5
Khô đậu tương	USD/tấn	389,3	9,4	16,0	28,2
Dầu đậu tương	UScent/bushel	34,4	3,2	6,3	0,4
Hạt cải	CAD/tấn	548,3	4,8	7,3	13,4
Ca cao	USD/tấn	2.492,0	2,0	-4,1	-3,7
Đường thô	UScent/lb	14,8	6,7	9,8	5,0
Nước cam	UScent/lb	114,5	-2,5	7,1	17,9
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.276,0	3,5	-5,8	-0,9
Cà phê Arabica	UScent/lb	106,7	-2,3	-5,2	-10,3
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	503	-6,1	-13,1	20,9
Gạo đồ 5% tẩm Ấn Độ	USD/tấn	377,0	-1,3	-2,1	3,0
Gạo trắng 5% tẩm Thái Lan	USD/tấn	440,0	-7,4	-11,1	1,1
Cao su Toccom	JPY/kg	170,9	15,8	22,9	-15,2

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

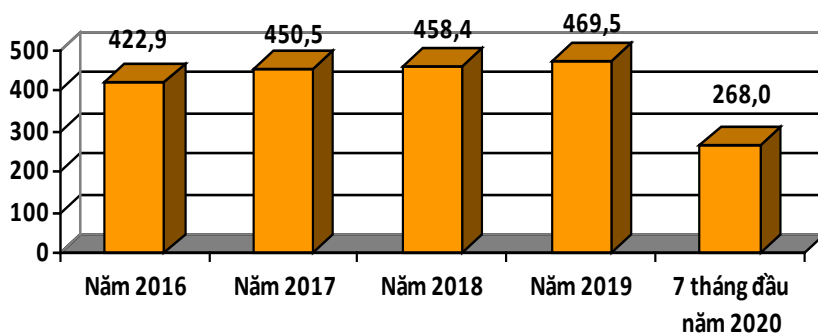
## NHU CẦU TIÊU THỤ HÀNG NÔNG SẢN CỦA THỊ TRƯỜNG EU LIÊN TỤC TĂNG

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU) tăng liên tục trong 5 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân 3,5%/năm trong giai đoạn 2016-2019.

Những tháng đầu năm 2020, do tác động bởi dịch Covid-19 trên toàn thị trường EU khiến hoạt động nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào thị trường này giảm, với trị giá nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2020 đạt trên 268 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2019.



## Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào EU giai đoạn 2016-2019 và 7 tháng đầu năm 2020 (Đvt: tỷ USD\*)



Nguồn: Eurostat

(Ghi chú: \* 1 Eur = 1,18227 USD, tỷ giá ngày 26/10/2020)

EU nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến từ khoảng 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trong 7 tháng đầu năm 2020, trong đó, Hà Lan và Đức là các nguồn cung lớn nhất (chiếm 23,5% tổng trị giá nhập khẩu). Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 23 vào EU, chiếm 0,9% tỷ trọng nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2020.

Trong cơ cấu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào EU trong 7 tháng đầu năm 2020, mặt hàng quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 12,4%; tiếp đến là mặt hàng gỗ nguyên liệu chiếm 10,2%. Trong đó, trị giá nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa tăng 11,2% trong 7 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019; trái lại, nhập khẩu mặt hàng gỗ nguyên liệu giảm 9,6%.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác cũng tăng trong 7 tháng đầu năm 2020, đạt 15,48 triệu USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2019; nhập khẩu gạo tăng 16,1%...

Trái lại, nhập khẩu nhiều mặt hàng khác vào EU giảm trong 7 tháng đầu năm

2020 so với cùng kỳ năm 2019 như thủy sản chưa qua chế biến giảm 10,1%; cao su thiên nhiên giảm 25,3%, gỗ nguyên liệu giảm 9,6%; thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ giảm 6,7%...



## Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào EU trong 7 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	EU nhập khẩu từ thế giới (triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại EU (%)	
	7 tháng đầu năm 2020	7 tháng đầu năm 2019		7 tháng đầu năm 2020	7 tháng đầu năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>268.042</b>	<b>273.939</b>	<b>-2,2</b>	<b>0,88</b>	<b>0,88</b>
Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	33.206	29.785	11,5	1,60	1,53
Hạt điều	953	918	3,8	51,60	45,46
Gỗ nguyên liệu	27.223	30.127	-9,6	0,26	0,25
Sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	24.363	24.966	-2,4	0,001	0,002
Thủy sản chưa qua chế biến	23.543	26.190	-10,1	1,37	1,59
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	22.936	24.580	-6,7	0,02	0,02
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	18.216	18.633	-2,2	0,04	0,04
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	15.536	15.618	-0,5	0,27	0,19
Hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác...	15.480	13.652	13,4	0,06	0,06
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	14.898	14.536	2,5	0,02	0,02
Ngũ cốc	13.380	13.687	-2,2	0,18	0,12
Gạo	1.948	1.678	16,1	1,25	0,95
Cà phê, chè và các loại gia vị	11.628	11.444	1,6	7,23	7,44
Cà phê	9.211	9.059	1,7	8,31	8,62
Chè	640	693	-7,7	0,24	0,31
Hạt tiêu	223	244	-8,5	27,98	24,51
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	11.200	11.014	1,7	1,59	1,84
Thủy sản chế biến	5.766	5.550	3,9	3,09	3,64
Đồ nội thất bằng gỗ	8.245	8.960	-8,0	2,42	2,21
Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và các loại tương tự; cảnh hoa rời và các loại cảnh lá trang trí	7.573	7.962	-4,9	0,07	0,06
Cao su thiên nhiên	5.874	7.868	-25,3	1,07	0,91
Động vật sống	5.710	5.699	0,2	0,10	0,09
Các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	3.128	3.160	-1,0	0,14	0,14
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	2.388	2.561	-6,8	0,27	0,61
Nhựa cánh kiến đỏ, gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	1.729	1.671	3,5	0,14	0,29
Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè và các chế phẩm có thành phần cơ bản từ các sản phẩm này	1.529	1.566	-2,3	1,96	1,59
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	258	259	-0,4	0,41	0,18

Nguồn: Eurostat



## **Triển vọng nền kinh tế EU và cơ hội cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam**

Những tháng đầu năm 2020, tác động của dịch Covid-19 khiến nền kinh tế của khu vực EU có nhiều biến động, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào khu vực này trong 7 tháng đầu năm 2020.

Nền kinh tế EU có sự cải thiện từ tháng 6/2020 nhờ được hỗ trợ bởi các chính sách tài khóa, tiền tệ và thị trường lao động. Tuy nhiên, vẫn còn có những yếu tố không chắc chắn về tăng trưởng nền kinh tế này như điều kiện thị trường lao động ngày càng xấu đi (tỷ lệ thất nghiệp đạt 8,1% trong tháng 8/2020), đặc biệt liên quan đến diễn biến của cuộc khủng hoảng đại dịch Covid-19 và nguy cơ của làn sóng lây nhiễm thứ hai tại một số quốc gia, bao gồm cả các quốc gia thuộc EU. Điều này khiến tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình của EU ở mức cao kỷ lục 24,6%, trong khi tỷ lệ đầu tư hộ gia đình ở mức thấp kỷ lục 7,9%.

Ủy ban châu Âu dự báo, GDP thực của EU sẽ giảm 8,3% vào năm 2020, trước khi phục hồi ở mức 5,8% vào năm 2021.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng đã đưa ra dự báo về kinh tế EU sẽ giảm 8,3% vào năm 2020 và trở lại mức tăng trưởng 5,2% vào năm 2021.

Có thể thấy, nền kinh tế EU mặc dù bị tác động mạnh bởi đại dịch Covid-19 nhưng trước những biến động tích cực về các chỉ tiêu kinh tế, cùng với những chính sách hỗ trợ về tài chính, tiền tệ... nền kinh tế này sẽ sớm phục hồi sau đại dịch. Kéo theo đó, hoạt động sản xuất, đầu tư, thương mại cũng sẽ nhanh chóng phục hồi.

Trong quan hệ thương mại với Việt Nam, Việt Nam đang có cơ hội rất lớn trong xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU trong bối cảnh Hiệp định thương mại

tự do Việt Nam –EU (EVFTA) đã có hiệu lực, điều này khiến nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng thuế suất 0%.

Theo dữ liệu từ nguồn Eurostat, Việt Nam đang có lợi thế xuất khẩu sang EU nhiều mặt hàng như trái cây, hạt điều, gạo, chè, đồ nội thất bằng gỗ... Đặc biệt là mặt hàng rau quả, đây là mặt hàng EU có nhu cầu nhập khẩu lớn nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản, chiếm gần 11% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này, với mức tăng trưởng nhập khẩu bình quân là 3,3%/năm trong giai đoạn 2016-2019. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam (DBAV), EU là thị trường có nhu cầu ổn định về rau quả và chiếm 45% trị giá thương mại hàng rau quả toàn cầu. Song, các nhà nhập khẩu EU thường tìm kiếm các nhà cung cấp đáng tin cậy trong các khu vực chiến lược để có thể cung cấp rau quả cho người tiêu dùng bất kỳ lúc nào trong năm. Những loại trái cây nhiệt đới, mới lạ sẽ thu hút người tiêu dùng EU. Điều này sẽ là thế mạnh cho các nhà xuất khẩu từ các quốc gia có khí hậu nhiệt đới như Việt Nam.

Tuy vậy, cần lưu ý, ưu đãi thuế quan từ EVFTA chỉ là bước khởi đầu để các doanh nghiệp Việt Nam có thể xuất khẩu hàng hóa vào thị trường EU. Muốn đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa vào thị trường này, các doanh nghiệp cần đáp ứng đầy đủ quy trình của phía EU, từ khâu tổ chức sản xuất, sử dụng giống, vật tư đầu vào, xây dựng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đến khâu chế biến, vận chuyển phải đảm bảo an toàn và minh bạch.

Cùng với đó, Việt Nam cũng cần chú ý đến các chương trình dài hạn, bền vững, thông qua quá trình tái cơ cấu chuỗi, với sự liên kết chặt chẽ của doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân để hình thành quy trình khép kín từ khâu tổ chức nguyên liệu tới chế biến, thương mại... để có thể khai thác tốt thị trường này.

► Tuần hàng Made in Vietnam - Tinh hoa Việt Nam chính thức khai mạc tối ngày 23/10/2020 tại vườn hoa Tượng đài Vua Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội với 100 gian hàng đặc sản. Sự kiện này làm tiền đề để năm 2021 thực hiện 2 sự kiện: Tuần hàng Việt Nam tại Thái Lan và Tuần hàng "Made in Vietnam" tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy tiêu thụ hàng Việt Nam tại thị trường trong nước, cũng như nâng tầm cho hàng Việt Nam tại thị trường quốc tế. Sự kiện Made in Vietnam - Tinh hoa Việt Nam năm 2020 do Tập đoàn Central Retail tại Việt Nam phối hợp cùng Bộ Công Thương và Thành phố Hà Nội tổ chức.

► Nhằm mục tiêu thiết thực hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức Tuần giới thiệu sản phẩm OCOP và sản phẩm thủy sản Quảng Ninh năm 2020 tại Hà Nội, từ ngày 24/10/2020, tại Trung tâm Thương mại Big C Thăng Long (TP Hà Nội). Đây là dịp để người tiêu dùng Thủ đô thưởng thức các sản phẩm đặc sản, sản phẩm hải sản của tỉnh Quảng Ninh; đồng thời là cơ hội để các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, chế biến, các cơ sở nuôi thủy sản Quảng Ninh xúc tiến thương mại sản phẩm của đơn vị đến thị trường trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh/thành phố khác để góp phần phát triển thị trường nội địa.



► Tối ngày 25/10/2020, tỉnh Trà Vinh tổ chức lễ khai mạc Hội chợ xúc tiến thương mại gắn với lễ hội Ok Om Bok năm 2020 của đồng bào Khmer tại Trung tâm văn hóa tỉnh. Đây là một trong chuỗi các hoạt động của "Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ lần thứ II gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2020". Hội chợ có quy mô 350 gian hàng tiêu chuẩn và 20 gian trưng bày các sản phẩm địa phương, của 136 doanh nghiệp trong tỉnh và các tỉnh Long An, An Giang, Hậu Giang, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Gia Lai, Bình Thuận, Kon Tum, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh, Vĩnh Long, Bạc Liêu.

► Tối ngày 22/10/2020, Hội chợ Nông nghiệp và các sản phẩm OCOP khu vực phía Bắc tại Lào Cai năm 2020 chính thức khai mạc. Hội chợ nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm nông, lâm, thủy sản Việt Nam chất lượng cao, uy tín trên thị trường, sản phẩm đặc trưng và sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu của các tỉnh thành phía Bắc. Với quy mô trên 320 gian hàng tiêu chuẩn, hội chợ thu hút nhiều sự tham gia của các doanh nghiệp lớn đến từ trên 30 tỉnh thành phố trên cả nước.

► Ngày 19/10/2020, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội (HPA) tổ chức Hội nghị "Cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Hội chợ Xúc tiến thương mại nông nghiệp, sản phẩm OCOP Hà Nội". Hội chợ sẽ được tổ chức tại Long Biên (từ ngày 5 - 9/11) và tại Hà Đông (từ ngày 19 - 23/11) với quy mô tại mỗi địa điểm từ 80 - 100 gian hàng, cùng một chuỗi các hoạt động bên lề. Đây là cơ hội giúp doanh nghiệp tiếp cận hệ thống phân phối AEON, trở thành là các nhà cung ứng AEON trong nước, xa hơn là AEON toàn cầu.